

KẾ HOẠCH

Phát triển khoa học, công nghệ tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”;

Căn cứ Quyết định số 604/QĐ-TTg ngày 02/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2227/QĐ-BKHCN ngày 24/4/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Kế hoạch tổng thể về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm giai đoạn 2026 – 2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 10/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026-2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững đến năm 2045;

Căn cứ Chương trình số 17-CTr/TU ngày 10/6/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 582/NQ-UBND ngày 10/8/2026 của UBND tỉnh, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026-2030 với các nội dung cụ thể sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa và triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương, Chính phủ và Bộ Khoa học và Công nghệ về phát triển khoa học, công nghệ quốc gia phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026–2030.

Làm cơ sở để các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng chương trình, nhiệm vụ, giải pháp và tổ chức triển khai đồng bộ các hoạt động khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh; góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng nhanh, bền vững và nâng cao đời sống Nhân dân.

Huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ; thúc đẩy liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khoa học và công nghệ trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

2. Yêu cầu

Triển khai Kế hoạch đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm; bám sát chủ trương của Trung ương, phù hợp điều kiện thực tiễn của tỉnh.

Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; tăng cường phối hợp, bảo đảm tiến độ và hiệu quả thực hiện.

Gắn nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ với nhu cầu thực tiễn, lấy doanh nghiệp làm trung tâm. Ưu tiên phát triển các lĩnh vực có lợi thế của tỉnh, nhất là nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông, lâm, thủy sản và du lịch; quản lý tài nguyên, môi trường.

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, điều chỉnh nội dung, nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển khoa học, công nghệ trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững của tỉnh Đắk Lắk; nâng cao năng suất,

chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế địa phương, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng “2 con số”, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân.

- Tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ số và chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực có lợi thế của tỉnh như nông nghiệp, chế biến nông sản, năng lượng tái tạo, du lịch, giáo dục, y tế và quản lý tài nguyên, môi trường.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tăng cường liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khoa học, công nghệ; thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh, vị thế của Đắk Lắk trong vùng Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên và cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Có $\geq 3\%$ tổng chi ngân sách địa phương chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

- Nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (quy đổi toàn thời gian) đạt 12 người trên một vạn dân. Tăng tỷ lệ lực lượng lao động trí thức trong các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chiến lược lên 25%.

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt trên 55%.

- Phân đầu bố trí tối thiểu 2% tổng chi ngân sách địa phương hằng năm cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo lộ trình phù hợp.

- Tỷ lệ kết quả khoa học và công nghệ được ứng dụng thực tiễn sau 12 tháng nghiệm thu $\geq 30\%$.

- Số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh triển khai ≥ 30 nhiệm vụ/năm.

- Số lượng công bố bài báo trong nước và quốc tế tăng bình quân 10%/năm, phân đầu đến năm 2030 đạt 45 bài/năm.

- Tỷ lệ kết quả nghiên cứu từ viện, trường được ứng dụng và thương mại hóa đạt tối thiểu 30%.

- Trình độ, năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp đạt mức trung bình đến trung bình tiên tiến.

- Từ 01-03 phòng thử nghiệm chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017, được cấp mã hiệu VLAS theo quy định.

- Tối thiểu 50% doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của tỉnh sử dụng mã số, mã vạch có hệ thống truy xuất nguồn gốc đủ điều kiện kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

- Ít nhất 50 lượt doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến năng suất chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc tế.

- 100% các tổ chức, cá nhân sản xuất các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP của tỉnh có nhu cầu và đủ điều kiện được hỗ trợ áp dụng Truy xuất nguồn gốc.

- Vận hành, duy trì hiệu quả Nền tảng số về cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh phục vụ tổ chức, doanh nghiệp.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về khoa học và công nghệ

a) Các sở, ban, ngành chủ động nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và các văn bản liên quan; coi công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về khoa học và công nghệ là nhiệm vụ thường xuyên. Tăng cường truyền thông đa phương tiện, kết hợp kênh truyền thống (báo in, phát thanh, truyền hình) với kênh hiện đại (nền tảng số, mạng xã hội, cổng thông tin điện tử, ứng dụng di động) để tiếp cận hiệu quả đến mọi tầng lớp Nhân dân. Nội dung tuyên truyền được thiết kế phù hợp từng nhóm đối tượng, chú trọng phổ biến kết quả nghiên cứu, mô hình ứng dụng thành công, điển hình nhằm tạo sức lan tỏa.

b) Các cơ quan truyền thông, báo chí đẩy mạnh tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng, nâng cao nhận thức xã hội về vai trò, vị trí của khoa học và công nghệ trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Tập trung phổ biến thành tựu, kiến thức khoa học và công nghệ, nhân rộng các kết quả nghiên cứu có hiệu quả trong thực tiễn sản xuất, đời sống.

c) Nâng cao chất lượng bản tin, chuyên mục về khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu số hóa. Đa dạng hóa hình thức, nội dung truyền thông về hợp tác khoa học và công nghệ trong hội nhập quốc tế; phổ biến các cam kết quốc tế (WTO, ASEAN, FTA thế hệ mới) và văn bản pháp luật về khoa học và công nghệ.

2. Đổi mới cơ chế, phát triển nguồn lực và nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ

a) Hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các cơ chế, chính sách của tỉnh về khoa học, công nghệ, bảo đảm phù hợp với quy định của Trung ương, điều kiện thực tiễn và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Lắk.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, phát triển tài sản trí tuệ, ưu tiên các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh như nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản, công nghệ sinh học, năng lượng tái tạo, du lịch và bảo vệ môi trường.

- Kịp thời cụ thể hóa và triển khai các chính sách, quy định mới của Trung ương về khoa học, công nghệ; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhất là cơ chế tài chính, cơ chế quản lý nhiệm vụ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

b) Đổi mới cơ chế thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

- Tổ chức thực hiện cơ chế đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ gắn với yêu cầu thực tiễn, các vấn đề trọng điểm của tỉnh và nhu cầu của doanh nghiệp, địa phương; ưu tiên các nhiệm vụ có khả năng ứng dụng, thương mại hóa, tạo giá trị gia tăng và tác động lan tỏa đối với phát triển kinh tế - xã hội.

- Đổi mới cơ chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, tăng cường hậu kiểm; xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả, hiệu quả ứng dụng và tác động của nhiệm vụ làm cơ sở bố trí nguồn lực và nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước.

- Khuyến khích nghiên cứu, thử nghiệm và ứng dụng các công nghệ, mô hình, giải pháp mới; thực hiện cơ chế chấp nhận rủi ro có kiểm soát trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng và triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ của tỉnh theo hướng tập trung, trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên các lĩnh vực có lợi thế, tiềm năng và tác động lan tỏa lớn như nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản, chuyển đổi số, công nghệ sinh học, bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên, y tế, giáo dục và quốc phòng, an ninh.

- Việc xác định, tuyển chọn, đặt hàng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện trên cơ sở tiêu chí xác định nhiệm vụ (Phụ lục I) và Khung chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ giai đoạn 2026–2030 (Phụ lục II), làm căn cứ bố trí nguồn lực ngân sách nhà nước, xây dựng kế hoạch 5 năm và hằng năm, đồng thời theo dõi, đánh giá và điều chỉnh khi cần thiết.

3. Phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ

a) Thu hút, trọng dụng và phát huy nguồn nhân lực chất lượng cao

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực chất lượng cao tham gia nghiên cứu, tư vấn, chuyển giao công nghệ và giải quyết các vấn đề trọng điểm của tỉnh.

- Khuyến khích các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu, đào tạo trong và ngoài tỉnh tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ của tỉnh; có cơ chế ghi nhận, tôn vinh và khuyến khích gắn với kết quả nghiên cứu và hiệu quả ứng dụng.

b) Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

- Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ nghiên cứu, viên chức và người lao động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ theo nhu cầu phát triển của tỉnh.

- Phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu số, công nghệ sinh học, công nghệ cao, chế biến nông sản, quản lý tài nguyên bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường và kinh tế biển, quản trị đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Khuyến khích cán bộ tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghiên cứu và hội nhập.

c) Tăng cường liên kết và phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học và công nghệ

- Thúc đẩy hợp tác giữa cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp và địa phương trong đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và phát triển nguồn nhân lực.

- Khuyến khích trao đổi chuyên gia, nhà khoa học; tăng cường đặt hàng nghiên cứu, đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp và địa phương.

- Nâng cao năng lực quản trị công nghệ, quản trị dữ liệu, sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và thương mại hóa kết quả nghiên cứu cho đội ngũ cán bộ, doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

4. Triển khai các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ tại địa phương

a) Chương trình nhiệm vụ khoa học xã hội và nhân văn

- Nghiên cứu, dự báo các xu hướng phát triển đến năm 2030 và các thập niên tiếp theo như toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, cạnh tranh chiến lược, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nguồn nhân lực; đánh giá tác động của các xu hướng toàn cầu, khu vực đến mô

hình phát triển, thể chế, quốc phòng - an ninh của Việt Nam và của tỉnh; đề xuất chính sách, giải pháp nhằm tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức, phát triển khoa học và công nghệ tại địa phương.

- Nghiên cứu, tổng kết thực tiễn quá trình xây dựng và phát triển tỉnh; đánh giá các mô hình, cơ chế, chính sách đã triển khai; cung cấp luận cứ khoa học phục vụ xây dựng chủ trương, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới.

- Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ đổi mới phương thức quản lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị nhà nước; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước; nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

- Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển kinh tế thị trường phù hợp với điều kiện của tỉnh; nâng cao hiệu quả huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; phát huy vai trò của doanh nghiệp, hợp tác xã, kinh tế tư nhân và các thành phần kinh tế trong phát triển kinh tế địa phương.

- Nghiên cứu mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế và các ngành, lĩnh vực có lợi thế của tỉnh; thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thương mại điện tử và các mô hình kinh doanh, ngành nghề mới phù hợp với tiềm năng, lợi thế của địa phương.

- Nghiên cứu đặc điểm, cơ cấu và xu hướng biến đổi của xã hội trên địa bàn tỉnh; các vấn đề về dân số, lao động, việc làm, thu nhập, an sinh xã hội, văn hóa, giáo dục, y tế và chất lượng nguồn nhân lực; đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập.

- Nghiên cứu các vấn đề xã hội phát sinh trong quá trình đô thị hóa, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế và hội nhập; nghiên cứu giải pháp nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng trước thiên tai, biến đổi khí hậu và các thách thức an ninh phi truyền thống.

- Nghiên cứu chính sách, mô hình và giải pháp thúc đẩy tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và thích ứng với biến đổi khí hậu; gắn phát triển kinh tế với bảo đảm an sinh xã hội và phát triển bền vững của tỉnh.

- Nghiên cứu đặc điểm, tiềm năng, lợi thế và các yếu tố đặc thù của tỉnh sau hợp nhất; nghiên cứu các vấn đề về tổ chức không gian phát triển, liên kết vùng, liên kết giữa các địa phương, ngành và lĩnh vực; đề xuất mô hình, cơ chế

và giải pháp khai thác hiệu quả các nguồn lực, phát huy lợi thế của từng khu vực, tăng cường liên kết nội tỉnh và liên vùng.

- Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ hoạch định chính sách phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh; xây dựng và hoàn thiện các mô hình phát triển phù hợp với thực tiễn địa phương; đề xuất giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, mở rộng thị trường và tăng cường hội nhập kinh tế.

- Nghiên cứu các vấn đề về văn hóa, lịch sử, dân tộc, tôn giáo, con người và bản sắc địa phương; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, di sản gắn với phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa và nâng cao sức hấp dẫn, hình ảnh của tỉnh.

- Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; ưu tiên các nghiên cứu có khả năng chuyển hóa kết quả thành chính sách, giải pháp quản lý và mô hình ứng dụng thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững.

b) Chương trình nhiệm vụ khoa học văn hóa, giáo dục, du lịch

- Nghiên cứu văn hóa, dân tộc, tôn giáo trong bối cảnh hội nhập quốc tế; xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo, văn hóa số, công nghiệp văn hóa; phát huy giá trị văn hóa dân tộc, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; chú trọng phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và các nhóm yếu thế.

- Nghiên cứu các yếu tố sinh thái, địa lý, dân tộc và văn hóa tác động đến xây dựng nông thôn mới; đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số; xây dựng mô hình nông thôn mới gắn với sản xuất hàng hóa và ứng dụng công nghệ cao.

- Nghiên cứu các giải pháp khoa học phục vụ ổn định xã hội, giáo dục, văn hóa, dân tộc, quốc phòng - an ninh; cung cấp luận cứ khoa học cho xây dựng quy hoạch, kế hoạch và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Nghiên cứu các vấn đề về biến đổi cơ cấu xã hội, lao động, phân hóa giàu nghèo, dân tộc, tôn giáo, văn hóa; đề xuất giải pháp quản lý và chính sách thúc đẩy phát triển bền vững.

- Nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa bản địa, văn hóa cộng đồng gắn với phát triển kinh tế - xã hội, du lịch và hội nhập quốc tế; xây dựng văn hóa ứng xử với môi trường xã hội trong đồng bào dân tộc thiểu số.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách phục vụ xây dựng nông thôn mới; thúc đẩy xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, thể dục thể thao.

- Nghiên cứu các mô hình tổ chức sản xuất, kinh doanh và công cụ quản lý rủi ro cho các ngành hàng chủ lực của tỉnh.
- Nghiên cứu giải pháp chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm nghèo, nâng cao thu nhập, tăng cường xuất khẩu lao động cho thanh niên và lao động nông thôn.
- Nghiên cứu xây dựng môi trường văn hóa, phát triển văn hóa số, văn hóa khởi nghiệp, bảo tồn văn hóa gắn với phát triển du lịch thông minh.
- Nghiên cứu phát triển kinh tế du lịch gắn với đặc thù tự nhiên, văn hóa, xã hội và quốc phòng - an ninh của tỉnh; phát huy giá trị cảnh quan, di tích lịch sử, làng nghề và văn hóa bản địa phục vụ phát triển du lịch.
- Nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm du lịch theo hướng kết hợp du lịch tham quan, nghỉ dưỡng, chữa bệnh, du lịch cộng đồng, sinh thái, văn hóa, tâm linh và làng nghề.
- Nghiên cứu cơ sở khoa học phục vụ quy hoạch, xây dựng các tuyến, điểm du lịch kết nối vùng; phát triển sản phẩm du lịch đặc thù; ứng dụng công nghệ số, công nghệ 4.0 và bộ nhận diện thương hiệu tỉnh Đắk Lắk trong quảng bá, xúc tiến du lịch.
- Nghiên cứu phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và tài nguyên thiên nhiên nhằm xây dựng các sản phẩm du lịch mới, đặc trưng của địa phương.
- Phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh; ứng dụng công nghệ số trong quản lý, kết nối dịch vụ, nâng cao trải nghiệm khách du lịch; đẩy mạnh giao dịch điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt trong hoạt động du lịch.
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong thống kê, xây dựng và kết nối cơ sở dữ liệu ngành du lịch với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia.
- Khuyến khích phát triển doanh nghiệp du lịch có thương hiệu, doanh nghiệp khởi nghiệp và doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường liên kết chuỗi giá trị du lịch, phát triển du lịch thông minh, du lịch sáng tạo và du lịch cộng đồng.
- Nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong giảng dạy, học tập và quản lý giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo ở các cấp học.
- Triển khai, nhân rộng các sáng kiến, mô hình đổi mới phương pháp dạy học; nghiên cứu ứng dụng giáo dục STEM, phần mềm dạy học và các nền tảng đào tạo trực tuyến.
- Nghiên cứu các vấn đề về đào tạo nghề cho lao động nông thôn; đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trung tâm đào tạo nghề.

- Nghiên cứu giáo dục, đào tạo và phát triển con người Việt Nam toàn diện, giàu bản sắc văn hóa, có năng lực sáng tạo, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng thích ứng với yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

c) Nhiệm vụ chương trình khoa học và công nghệ trong nông nghiệp và biến đổi khí hậu, nông nghiệp công nghệ cao

- Nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ (công nghệ cao mới, công nghệ thông tin, công nghệ 4.0 và công nghệ sinh học) trong chọn tạo, nhân giống đối với những cây trồng chủ lực, có năng suất, chất lượng; các loại rau, hoa, củ, quả có tiềm năng, lợi thế và thị trường tiêu thụ (sản xuất hàng hóa, vùng nông nghiệp).

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình tái canh cây cà phê bảo đảm giữ vững sản lượng và tăng chất lượng sản phẩm; các mô hình tưới nước tiết kiệm kết hợp áp dụng quy trình canh tác giảm phát thải khí nhà kính, hợp lý hóa quy trình sản xuất;

- Mở rộng ứng dụng các chế phẩm sinh học, sử dụng phân bón hợp lý, áp dụng các quy trình thực hành nông nghiệp tốt, các bộ tiêu chuẩn sản xuất bền vững.

- Nghiên cứu bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm đặc thù của tỉnh. Phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp có chứng nhận (GAP, GLOBALG.A.P...), kết hợp nông nghiệp và du lịch sinh thái.

- Nghiên cứu quy hoạch phát triển các vùng nguyên liệu cây trồng có giá trị kinh tế cao cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến sâu.

- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm hữu cơ tại địa phương.

- Nghiên cứu các loại bệnh hại cây trồng; ứng dụng các biện pháp cải tạo đất trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai các nhiệm vụ theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh.

- Nghiên cứu, ứng dụng thành tựu giống mới (công nghệ sinh học, công nghệ gen, chỉ thị phân tử) trong phát triển đàn đại gia súc, gia cầm, thủy sản nước ngọt và nước lợ. Lai tạo, chọn lọc hình thức chăn nuôi thích hợp cho vật nuôi bản địa có giá trị kinh tế cao. Xây dựng mô hình chăn nuôi một số loài động vật, thủy sản mới, quý hiếm, có giá trị bảo tồn nguồn gen và thương mại.

- Ứng dụng công nghệ chăn nuôi tiên tiến (IoT, AI, tự động hóa) trong quản lý trang trại, bảo đảm chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế cao, sản xuất sản phẩm có quy mô hàng hóa, đạt thương hiệu và truy xuất nguồn gốc. Nghiên

cứu, ứng dụng sản xuất thức ăn chăn nuôi bền vững, thay thế sản phẩm nhập ngoại, thức ăn có nguồn gốc hữu cơ và tận dụng phụ phẩm nông nghiệp.

- Đẩy mạnh ứng dụng các quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi dự trữ phù hợp, thức ăn tinh chất lượng cao, thức ăn chức năng nhằm nâng cao sức khỏe vật nuôi, giảm thiểu kháng sinh.

- Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản theo hướng sinh học, hữu cơ và an toàn dịch bệnh với các giống, loài đặc hữu của địa phương, giống mới có ưu thế về năng suất, chất lượng, khả năng thích nghi và hiệu quả kinh tế, năng suất, chất lượng; ứng dụng các giải pháp kỹ thuật tiên tiến (chuồng trại thông minh, hệ thống kiểm soát vi khí hậu, quản lý môi trường tự động) trong chăn nuôi.

- Nghiên cứu các loại bệnh, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển các loại vắc-xin, kit chẩn đoán nhanh, quy trình phòng, chẩn đoán và điều trị tiên tiến (sử dụng thảo dược, chế phẩm sinh học) nhằm kiểm soát dịch bệnh trên gia súc, gia cầm và thủy sản, hướng tới chăn nuôi giảm kháng sinh.

- Ứng dụng, chuyển giao giống thủy sản mới, áp dụng quy trình sản xuất giống sạch bệnh (SPF), quản lý tổng hợp dịch bệnh thủy sản; ứng dụng công nghệ bảo quản, chế biến sâu thủy sản sau thu hoạch (công nghệ lạnh, sấy, đóng gói hiện đại) để nâng cao giá trị gia tăng.

- Phát triển các mô hình chăn nuôi tuần hoàn, khép kín, tận dụng chất thải chăn nuôi để sản xuất biogas, phân bón hữu cơ, góp phần giảm phát thải và bảo vệ môi trường. Ứng dụng các giải pháp công nghệ số (phần mềm quản lý trang trại, blockchain) trong truy xuất nguồn gốc và kết nối thị trường.

- Nghiên cứu, đánh giá khả năng sinh trưởng, hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của các mô hình chuyển đổi, phục hồi rừng trên đất rừng khộp nghèo; lựa chọn loài cây phù hợp thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ giống và kỹ thuật lâm sinh tiên tiến nhằm bảo tồn nguồn gen, phục hồi hệ sinh thái rừng, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng hấp thụ các-bon của rừng.

- Ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), viễn thám, GIS, thiết bị bay không người lái (UAV) và dữ liệu lớn trong theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, cảnh báo sớm mất rừng, cháy rừng, sâu bệnh, giám sát đa dạng sinh học và quản lý rừng bền vững.

- Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu số, bản đồ số và hệ thống giám sát thông minh về tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, trữ lượng các-bon rừng; kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Nghiên cứu cơ chế, phương pháp đo đạc, báo cáo và thẩm định (MRV) đối với hấp thụ và phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực lâm nghiệp; phát triển

thị trường các-bon, tín chỉ các-bon rừng, chi trả dịch vụ hệ sinh thái rừng và các cơ chế tài chính xanh.

- Nghiên cứu bảo tồn và phát triển các loài động, thực vật rừng quý hiếm, đặc hữu; nghiên cứu sinh sản voi nhà bằng phương pháp tự nhiên và hỗ trợ sinh sản; phát triển mô hình gây nuôi động vật hoang dã, dược liệu và lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng theo hướng bền vững.

- Nghiên cứu phát triển kinh tế dưới tán rừng, mô hình nông - lâm kết hợp, kinh tế tuần hoàn trong lâm nghiệp; nâng cao giá trị gia tăng của lâm sản và phát triển sinh kế bền vững cho cộng đồng tham gia bảo vệ rừng.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ (*nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, công nghệ sau thu hoạch, sản xuất vật liệu xây dựng địa phương, năng lượng tái tạo*) phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao thu nhập và bảo vệ môi trường. Nâng cao chất lượng, mẫu mã, bao bì, truy xuất nguồn gốc số và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm đặc thù, nhất là các sản phẩm do đồng bào dân tộc thiểu số làm chủ.

- Hỗ trợ xây dựng và phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao, các mô hình hợp tác xã kiểu mới, hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao tại các vùng nông thôn và miền núi. Nghiên cứu, phát triển các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác gắn với chuỗi giá trị nông sản an toàn, hữu cơ, có truy xuất nguồn gốc minh bạch bằng công nghệ số (blockchain, QR code) ở các ngành hàng chủ lực và đặc sản địa phương. Khuyến khích các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh tại các hợp tác xã.

- Nghiên cứu các chương trình nâng cao năng lực số, chuyển giao kỹ thuật sản xuất tiên tiến, bền vững cho các hộ gia đình, hợp tác xã và cộng đồng tại vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp khoa học và công nghệ phù hợp để bảo tồn và phát huy giá trị tri thức bản địa kết hợp với khoa học hiện đại; nghiên cứu, sưu tầm, số hóa di sản văn hóa vật thể và phi vật thể; phát triển, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, các làng nghề truyền thống.

- Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp công nghệ trong cung cấp dịch vụ công thiết yếu (y tế từ xa, giáo dục trực tuyến, thông tin thị trường) cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần thu hẹp khoảng cách số.

- Nghiên cứu ứng dụng, tìm giải pháp khoa học và công nghệ đối phó với biến đổi khí hậu ảnh hưởng đến phát triển tài nguyên đất, nước, hệ sinh thái và đa dạng sinh học, lĩnh vực nông lâm nghiệp, công nghiệp, xây dựng, giao thông và hạ tầng kỹ thuật, năng lượng, môi trường, y tế và sức khỏe cộng đồng.

- Nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu trên một số cây trồng, vật nuôi của địa phương để có giải pháp giảm nhẹ tác động do biến đổi khí hậu; giảm thiểu khí nhà kính, đề xuất các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu trên một số lĩnh vực nhất là trong nông nghiệp (chuyển đổi cây con, mùa vụ...).

d) Nhiệm vụ chương trình khoa học và công nghệ về năng suất, chất lượng, sở hữu trí tuệ, công nghệ, tiêu chuẩn, hệ thống quản lý tiên tiến, phát triển thương hiệu, ứng dụng công nghệ mới

- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ thông tin và truyền thông, tập trung vào các công nghệ cốt lõi của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư như điện toán đám mây, Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), bản sao số, thực tế ảo/thực tế tăng cường, công nghệ bán dẫn và dữ liệu lớn nhằm phục vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, chính quyền số và xã hội số.

- Nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, thiết bị và giải pháp thông minh ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lý xã hội và đời sống dân sinh; xây dựng và phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ quản lý, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội.

- Nghiên cứu, làm chủ và ứng dụng các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; tăng cường năng lực phòng chống, phát hiện và ngăn chặn các cuộc tấn công mạng; bảo đảm an ninh cho hạ tầng số, hạ tầng thông tin trọng yếu và cơ sở dữ liệu quan trọng.

- Thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ và sáng tạo công nghệ mạng di động thế hệ mới (5G/6G); nghiên cứu tiếp cận và từng bước làm chủ công nghệ lượng tử, công nghệ terahertz và các công nghệ chiến lược mới.

- Nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, hợp tác xã về năng suất, chất lượng; triển khai các chương trình, dự án hỗ trợ nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

- Thúc đẩy áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ; hỗ trợ xây dựng, bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ, thương hiệu sản phẩm và thương hiệu địa phương.

- Tổ chức tập huấn, đào tạo, tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến; tham gia hội chợ công nghệ và thiết bị, Giải thưởng Chất lượng Quốc gia; nghiên cứu cải tiến, đổi mới công nghệ nhằm nâng cao giá trị gia tăng, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.

- Nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới thiết bị công nghệ theo hướng ưu tiên công nghệ cao, công nghệ số và công nghệ 4.0 trong doanh nghiệp; phát triển các ngành công nghiệp chế biến sâu, công nghiệp hỗ trợ, vật liệu xây dựng

không nung, năng lượng tái tạo, nhiên liệu sinh học và các lĩnh vực công nghiệp có tiềm năng của tỉnh.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong sản xuất sản phẩm tiểu thủ công nghiệp, sản phẩm OCOP; hỗ trợ đổi mới công nghệ, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và thị trường công nghệ.

- Điều tra, đánh giá nhu cầu công nghệ, năng lực hấp thụ, giải mã và làm chủ công nghệ của doanh nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu về cung - cầu công nghệ và báo cáo phân tích nhu cầu công nghệ đối với các ngành hàng, lĩnh vực sản xuất chủ lực của tỉnh.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng, phát triển và bảo hộ tài sản trí tuệ; thúc đẩy đăng ký nhãn hiệu, sở hữu công nghiệp và phát triển hệ thống thương hiệu của tỉnh.

- Hỗ trợ quản lý, khai thác và phát triển các sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và các sản phẩm OCOP đã được chứng nhận.

- Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hóa, tiêu chuẩn chất lượng và tăng cường áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, hạ tầng số và các nền tảng công nghệ phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, đô thị thông minh và các ngành kinh tế trọng điểm của tỉnh.

- Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu không gian, ứng dụng công nghệ viễn thám đa tầng, trí tuệ nhân tạo và khoa học vũ trụ phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh và quản lý tài nguyên.

- Nghiên cứu, phát triển mô hình chuỗi cung ứng thông minh nhằm kết nối hiệu quả giữa sản xuất, logistics, thương mại điện tử và tài chính; nâng cao khả năng dự báo thị trường, tối ưu hóa chi phí và thời gian đưa sản phẩm ra thị trường.

- Nghiên cứu, ứng dụng và làm chủ các công nghệ năng lượng mới, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh, công nghệ lưu trữ năng lượng tiên tiến và pin nhiên liệu; thúc đẩy phát triển điện gió, điện mặt trời và các nguồn năng lượng sạch.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên năng lượng; tiếp cận công nghệ nhiệt điện khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) và các giải pháp năng lượng bền vững.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ hạt nhân, công nghệ bức xạ và năng lượng nguyên tử trong các lĩnh vực y tế, nông nghiệp, công nghiệp và môi

trường; tăng cường các giải pháp bảo đảm an toàn bức xạ và an toàn hạt nhân.

e) Nhiệm vụ chương trình khoa học và công nghệ ứng dụng công nghệ sinh học, y dược, bảo tồn nguồn gen

- Ứng dụng công nghệ sinh học hiện đại trong chọn tạo, lai giống; ứng dụng giống ưu thế lai.

- Ứng dụng công nghệ sinh học hiện đại trong nhân giống mô, tế bào để nhân các giống cây trồng có nhu cầu lớn hoặc có giá trị kinh tế cao.

- Nghiên cứu hoạt chất sinh học từ nguồn gen bản địa phục vụ cho bảo vệ động thực vật, cải tạo đất.

- Nghiên cứu chế phẩm sinh học ứng dụng trong bảo quản các sản phẩm chủ lực của tỉnh; ứng dụng trong bảo quản rau, hoa, quả.

- Ứng dụng công nghệ sinh học như: Công nghệ vi sinh, enzyme, protein phát triển sản xuất phân hữu cơ sinh học, thuốc bảo vệ thực vật sinh học và các chế phẩm sinh học khác.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý các chất thải sinh hoạt, chất thải cụm công nghiệp và chất thải tại các khu chăn nuôi tập trung.

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học xử lý ô nhiễm môi trường ở các nhà máy chế biến nông sản, nhất là đối với chế biến ướt cà phê, chế biến mủ cao su, tinh bột sắn, bột giấy, mía đường...

- Nghiên cứu, ứng dụng các bộ dụng cụ chẩn đoán, vắc-xin và chế phẩm sinh học phục vụ công tác chẩn đoán, phòng ngừa và điều trị bệnh ở người.

- Nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao và làm chủ các công nghệ tiên tiến, công nghệ cao trong chẩn đoán và điều trị bệnh như ghép mô, trị liệu tế bào gốc, can thiệp mạch, sinh học phân tử, phẫu thuật nội soi, công nghệ laser và y học hạt nhân.

- Nghiên cứu các giải pháp phòng, chống và điều trị các bệnh đặc thù của địa phương, các bệnh truyền nhiễm, bệnh mới nổi và tái nổi; kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền trong chăm sóc và điều trị bệnh.

- Nghiên cứu, ứng dụng các bài thuốc y dược học cổ truyền; phát triển công nghệ bào chế và sản xuất thuốc từ nguồn dược liệu địa phương; bảo tồn và phát triển các cây dược liệu có giá trị kinh tế và giá trị y học cao.

- Nghiên cứu và phát triển các phương pháp điều trị không dùng thuốc; nâng cao hiệu quả ứng dụng y học cổ truyền trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

- Nghiên cứu phát triển vùng nguyên liệu dược liệu phục vụ công nghiệp

được; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất thuốc chữa bệnh, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và sinh phẩm y tế.

- Nghiên cứu các giải pháp cải thiện dinh dưỡng trẻ em, phòng chống suy dinh dưỡng và béo phì; nâng cao sức khỏe sinh sản và chất lượng dân số.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và khám chữa bệnh; hoàn thiện hệ thống quản lý thông tin bệnh viện (HIS), bệnh án điện tử và các nền tảng y tế số nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, giảm thủ tục hành chính và thời gian chờ đợi của người bệnh.

- Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ gen, công nghệ tế bào gốc trong chẩn đoán và điều trị bệnh hiếm nghèo; nghiên cứu sản xuất sinh phẩm chẩn đoán, vắc-xin thế hệ mới và thuốc điều trị phục vụ phòng chống các dịch bệnh mới nổi và tái nổi.

- Nghiên cứu phát triển nguồn dược liệu, sản xuất thuốc và thực phẩm bảo vệ sức khỏe bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm và đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

- Trong lĩnh vực nông nghiệp, tập trung nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học nhằm tạo giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản có năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng cao; phát triển các chế phẩm sinh học phục vụ chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản; ứng dụng công nghệ sinh học trong kiểm soát dịch bệnh và xử lý ô nhiễm môi trường.

- Trong công nghiệp chế biến, nghiên cứu sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ chế biến thực phẩm, nâng cao giá trị gia tăng của nông sản; làm chủ quy trình công nghệ và thiết bị trong công nghiệp sinh học.

- Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý chất thải, tái chế phụ phẩm, giảm thiểu ô nhiễm môi trường; bảo tồn, lưu giữ và khai thác hợp lý nguồn gen quý hiếm, bảo vệ đa dạng sinh học.

- Nghiên cứu bảo tồn các nguồn gen bản địa quý hiếm, đặc hữu có giá trị về kinh tế, y học, khoa học, quốc phòng và an ninh.

- Nghiên cứu phục tráng, lưu giữ và phát triển các giống cây trồng, vật nuôi bản địa có giá trị và nguy cơ mai một.

- Nghiên cứu xây dựng các mô hình nuôi trồng, bảo tồn và phát triển các loài động thực vật quý hiếm, đặc hữu có giá trị kinh tế cao.

- Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ gen, tế bào và vi sinh trong sản xuất nông nghiệp an toàn, công nghiệp chế biến, bảo vệ môi trường và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

g) Định hướng nhiệm vụ khoa học và công nghệ Chương trình Khoa học Tự nhiên và kinh tế biển

- Xây dựng nền khoa học cơ bản hiện đại, bám sát các xu hướng của thế giới. Đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng trong các lĩnh vực tinh Đắc Lắc có thể mạnh và nhu cầu để vươn lên đạt trình độ tiên tiến khu vực như toán học, vật lý, hóa học, khoa học sự sống, khoa học trái đất và khoa học biển.

- Nghiên cứu cơ sở khoa học cho việc sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; nghiên cứu nhận dạng bản chất, nguyên nhân, tác động của thiên tai, tương tác giữa tự nhiên - con người - xã hội, quá trình biến đổi khí hậu ở tỉnh Đắc Lắc làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất và thực hiện các giải pháp hạn chế, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Đẩy mạnh nghiên cứu liên ngành giữa khoa học tự nhiên, khoa học xã hội – nhân văn và công nghệ về tài nguyên, vùng biển, hải đảo ven bờ, nhằm cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng quy hoạch, hoạch định và hoàn thiện chính sách phát triển bền vững; quản lý và khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu và thiên tai. Cung cấp cơ sở pháp lý, dữ liệu khoa học và bằng chứng lịch sử phục vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo và quản lý tài nguyên, môi trường nội địa.

- Nghiên cứu liên ngành về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ hệ sinh thái rừng, đất ngập nước, sông suối và vùng biển, nhằm phát triển bền vững kinh tế – xã hội địa phương.

- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong quản lý, khai thác và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bao gồm rừng, đất và vùng biển - hải đảo ven bờ; giải pháp phục hồi đất, cải thiện độ phì và đất khô hạn chống sa mạc hóa phục vụ hoạch định, quy hoạch và phát triển bền vững kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp.

- Nghiên cứu, làm chủ công nghệ tiên tiến trong tìm kiếm, thăm dò và khai thác tài nguyên khoáng sản, thủy sản, đất rừng, nước, đảm bảo hiệu quả, hợp lý và bền vững; áp dụng nguyên tắc tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học, duy trì vốn tự nhiên.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong cảnh báo và dự báo thiên tai, hạn hán, lũ lụt, xâm nhập mặn, sự cố môi trường; nâng cao năng lực ứng phó biến đổi khí hậu cho cả vùng nội địa và ven biển.

5. Hợp tác về khoa học, công nghệ

a) Hợp tác trong nước

- Tăng cường hợp tác với các bộ, ngành, địa phương, trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp trong nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các kết quả nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực và triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp; thu hút, khuyến khích doanh nghiệp tham gia đặt hàng, đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng và thương mại hóa kết quả khoa học, công nghệ; huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển khoa học, công nghệ.

- Phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo, diễn đàn, triển lãm và các hoạt động kết nối nhằm thúc đẩy hợp tác, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ.

b) Hợp tác quốc tế

- Mở rộng hợp tác với các tổ chức quốc tế, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp và đối tác nước ngoài trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực và triển khai các dự án khoa học, công nghệ phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

- Ưu tiên hợp tác trong các lĩnh vực chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường tổ chức và tham gia các hội nghị, hội thảo, triển lãm khoa học và công nghệ quốc tế; hỗ trợ cán bộ, chuyên gia tham gia đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật và nâng cao năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu hội nhập.

- Khuyến khích hợp tác với các tổ chức, cá nhân và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài trong nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, xúc tiến đầu tư và phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được đảm bảo từ ngân sách Nhà nước theo phân cấp, nguồn đóng góp, tài trợ, hỗ trợ của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với nguồn vốn ngân sách Nhà nước, việc lập dự toán ngân sách hằng năm được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và được bố trí vào dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan được giao chủ trì nhiệm vụ.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- a) Chủ trì tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ giai đoạn 2026–2030 trên phạm vi toàn tỉnh; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát và tổng hợp kết quả thực hiện của các sở, ban, ngành, địa phương; định kỳ báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

b) Chủ trì tham mưu UBND tỉnh xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án và công cụ quản lý nhằm triển khai hiệu quả Kế hoạch như sau:

- Tham mưu xây dựng danh mục nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trọng điểm của tỉnh; tổ chức xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp và quản lý thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định; tham mưu đề xuất các nhiệm vụ tham gia chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia.

- Hướng dẫn, hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ, ưu tiên các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản, công nghệ sinh học, quản lý tài nguyên và môi trường, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), vật liệu mới, công nghệ sạch, chuyển đổi số và các lĩnh vực phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

- Xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh; kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia và các hệ thống thông tin chuyên ngành theo quy định; thúc đẩy phát triển dữ liệu mở phục vụ quản lý nhà nước, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp.

- Triển khai các chương trình hợp tác về khoa học, công nghệ với các bộ, ngành, địa phương, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế; huy động nguồn lực, chuyên gia và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Thực hiện công tác theo dõi, đánh giá hiệu quả ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; tham mưu đề xuất cơ chế, giải pháp nhân rộng các mô hình, công nghệ có hiệu quả.

- Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức về khoa học, công nghệ; tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và hợp tác xã.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên và môi trường; thúc đẩy phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, kinh tế tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Tổ chức hướng dẫn, xây dựng và phát triển các doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, hợp

tác xã, trang trại ứng dụng công nghệ tiên tiến; ưu tiên các mô hình ứng dụng công nghệ sinh học, IoT, AI, tự động hóa, truy xuất nguồn gốc và hệ thống canh tác thông minh.

c) Tổ chức xây dựng, quản lý và cập nhật mã số vùng trồng, cơ sở dữ liệu số ngành nông nghiệp; phát triển các chuỗi giá trị đối với sản phẩm chủ lực của tỉnh gắn với tiêu chuẩn chất lượng, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc và yêu cầu thị trường xuất khẩu.

d) Tăng cường liên kết với các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp để chuyển giao công nghệ sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản; tổ chức các hoạt động kết nối cung – cầu công nghệ, xúc tiến thương mại và phát triển sản phẩm OCOP.

e) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, GIS, viễn thám, AI, IoT, Big Data trong quản lý tài nguyên, môi trường, giám sát chất lượng môi trường, quản lý nguồn thải và phát triển bền vững.

3. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến, tự động hóa, AI, IoT, Big Data và chuyển đổi số trong sản xuất, quản trị và chuỗi cung ứng.

b) Hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp hỗ trợ, thương mại điện tử, năng lượng tái tạo và sản xuất sạch hơn; thúc đẩy phát triển thương hiệu, truy xuất nguồn gốc, thương mại hóa sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

c) Tăng cường xúc tiến thương mại, kết nối cung – cầu, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận tiêu chuẩn, quy chuẩn và thị trường xuất khẩu; tổ chức các hoạt động hội chợ, triển lãm, kết nối công nghệ.

4. Sở Nội vụ

Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng và sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, chuyên gia, nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh. Tham mưu tôn vinh và khen thưởng đối với chuyên gia, nhà khoa học, nhân tài và các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học, công nghệ theo quy định của pháp luật.

5. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tham mưu bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án khoa học, công

nghe theo quy định và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

6. Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng kế hoạch và phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ thuộc lĩnh vực quản lý; tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

7. Các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các tổ chức khác

Chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ của tỉnh; tăng cường nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế và các tổ chức khác chủ động phối hợp tuyên truyền, vận động và tham gia thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

VI. CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN HIỆU QUẢ KẾ HOẠCH

1. Phân công rõ trách nhiệm cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ; tăng cường phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương và doanh nghiệp.

2. Tổ chức triển khai đồng bộ Kế hoạch với các chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ của tỉnh.

3. Đẩy mạnh ứng dụng nền tảng số trong quản lý, theo dõi, thống kê và đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ; nâng cao hiệu quả quản lý dữ liệu và chia sẻ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

4. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ việc thực hiện các chương trình, nhiệm vụ; kịp thời tháo gỡ khó khăn, điều chỉnh nội dung chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

5. Nâng cao tính công khai, minh bạch và hiệu quả trong quản lý, sử dụng nguồn lực khoa học và công nghệ; hạn chế chồng chéo, trùng lặp và dàn trải trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

6. Gắn kết quả thực hiện Kế hoạch với trách nhiệm của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu; kịp thời biểu dương các mô hình hiệu quả, xử lý các trường hợp triển khai chậm, hiệu quả thấp. Việc xây dựng, quản lý, tổ chức thực hiện và

đánh giá các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo Khung chương trình, nhiệm vụ giai đoạn 2026–2030 (Phụ lục II) và các chỉ tiêu triển khai Kế hoạch (Phụ lục III).

7. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức của các cấp, ngành, doanh nghiệp và người dân về vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức và cộng đồng trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

Trên đây là Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026-2030, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này. Kế hoạch này thay thế Kế hoạch 092/KH-UBND ngày 21/10/2025 của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2026-2030./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các phường, xã;
- Các Phòng, TT: TH, ĐTKT; Công nghệ và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Ng-10b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thị Nguyên Thảo